

BỘ Y TẾ
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 767 /2018/ĐKSP

Cục An toàn thực phẩm xác nhận đã nhận bản công bố sản phẩm của:

Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare

Địa chỉ: số 5, ngõ 9/76, phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

Fax:

Email:

Cho sản phẩm: Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt Nutricare Cerna do nhà máy chi nhánh Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare; Địa chỉ: lô VII.2 khu công nghiệp Thuận Thành, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam sản xuất, phù hợp tiêu chuẩn số 08/2018/TCSP-NUTRI của nhà sản xuất.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Phong

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/2018/TCSP- NUTRI

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CÁ NHÂN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố, Hà Nội

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp : 0104937284

Số giấy chứng nhận cấp cơ sở đủ điều kiện ATTP : 0000417/2017/ATTP- CNĐK, ngày cấp 17/05/2017, Nơi cấp : Cục An Toàn Thực Phẩm – Bộ Y Tế.

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. **TÊN SẢN PHẨM:** Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt **NUTRICARE CERNA**

2. **THÀNH PHẦN:** Đạm sữa, Protein đậu nành, Maltodextrin, Dầu thực vật, Palatinose, Isomalt, Maltitol, FOS (fructo-oligosaccharide), Acid amin cần thiết (Arginine, Glutamic acid, Leucine, Isoleucine, Valine), Hương vani tổng hợp, Vitamin (A, D3, E, K, C, B1, B2, B6, B12), Niacin, Folic acid, Pantothenic Acid, Biotin, Khoáng chất (Na, K, Ca, P, Mg, Fe, Mn, Zn, Cu, I, Se, Cr, Mo).

3. CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU

Thành phần	Đơn vị	Mức công bố	Mức đáp ứng
Năng lượng	Kcal/100g	375-459	
Protein	g/100g	17.5-21.5	
Béo	g/100g	13-17	
MUFA	g/100g	1.2-1.9	
PUFA	g/100g	0.3-0.7	
FOS	g/100g	2-4.5	
Bột đường	g/100g	40-56	
Polyols	g/100g	6-11	
Vitamins			

Vitamin A	mcg/100g	415-700	
Vitamin D3	mcg/100g	9.1-13	
Vitamin E	mg/100g	7.3-11.5	
Vitamin K	mcg/100g	24.5-28.3	
Vitamin C	mg/100g	83-112	
Vitamin B1	mcg/100g	438-623	
Vitamin B2	mcg/100g	621-795	
Niacin (vitamin B3)	mg/100g	8.0-16.0	
Vitamin B5	mg/100g	2.5-4.3	
Vitamin B6	mg/100g	0.8-1.6	
Folic acid	mcg/100g	71-92	
Vitamin B12	mcg/100g	4.7-6.1	
Biotin	mcg/100g	17.3-21.1	
Khoáng chất			
Na (Sodium)	mg/100g	273-421	
K (Potassium)	mg/100g	465-632	
Cl (Chloride)	mg/100g	325-385	
Ca (Calcium)	mg/100g	392-435	
P (Phosphorus)	mg/100g	211-435	
Mg (Magnesium)	mg/100g	48.3-65.7	
Fe (Iron)	mg/100g	2.1-3.2	
Zn (Zinc)	mg/100g	7.5-9.7	
Mn (Manganese)	mcg/100g	870-1021	
Cu (Copper)	mcg/100g	171-193	
I (Iodine)	mcg/100g	38-51	
Se (Selenium)	mcg/100g	18.3-27.6	
Cr (Chromium)	mcg/100g	11.0-20.2	
Mo (Molybdenum)	mcg/100g	19-25	

4. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

Lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm

5. CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

- Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng trong lon thiếc, túi tráng thiếc chuyên dùng đảm bảo



yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách bao gói:

Khối lượng tịnh: Lon/hộp/túi : $40g \pm 10\%$, $400g \pm 10\%$ /lon, $900g \pm 10\%$

6. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT SẢN PHẨM:

CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG NUTRICARE

Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, P. Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1 LK2, KĐT Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Sản xuất tại : Nhà máy CN Công ty TNHH Dinh dưỡng NUTRICARE

Địa chỉ: Lô VII.2, Khu CN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh.

Điện thoại: 02466.833.368

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM:

Phù hợp với quy định phát luật về ghi nhãn hàng hóa thực phẩm (Phụ lục)

IV. YÊU CẦU AN TOÀN THỰC PHẨM

Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất số 08/2018/TCSP- NUTRI, Ngày 01 tháng 03 năm 2018 (đính kèm).

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG NUTRICARE	Số: 08/2018/TCSP- NUTRI
Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Ngày 01 tháng 03 năm 2018

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. TÊN SẢN PHẨM: Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt NUTRICARE CERNÁ

2. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT SẢN PHẨM:

CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG NUTRICARE

Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, P. Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1 LK2, KĐT Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

Sản xuất tại : Nhà máy CN Công ty TNHH Dinh dưỡng NUTRICARE

Địa chỉ: Lô VII.2, Khu CN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh.

Điện thoại: 02466.833.368

3. Trạng thái sản phẩm:

Stt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
	Trạng thái	Bột mịn, tơi, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng sữa
3	Mùi, vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi vị lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng, khét).
4	Các đặc tính khác	

1. THÀNH PHẦN: Đạm sữa, Protein đậu nành, Maltodextrin, Dầu thực vật, Palatinose, Isomalt, Maltitol, FOS (fructo-oligosacharide), Acid amin cần thiết (Arginine, Glutamic acid, Leucine, Isoleucine, Valine), Hương vani tổng hợp, Vitamin (A, D3, E, K, C, B1, B2, B6, B12), Niacin, Folic acid, Pantothenic Acid, Biotin, Khoáng chất (Na, K, Ca, P, Mg, Fe, Mn, Zn, Cu, I, Se, Cr, Mo).

2. CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU

Thành phần	Đơn vị	Mức công bố	Mức đáp ứng
Năng lượng	Kcal/100g	375-459	
Protein	g/100g	17.5-21.5	
Béo	g/100g	13-17	
MUFA	g/100g	1.2-1.9	

PUFA	g/100g	0.3-0.7	
FOS	g/100g	2-4.5	
Bột đường	g/100g	40-56	
Polyols	g/100g	6-11	
Vitamins			
Vitamin A	mcg/100g	415-700	
Vitamin D3	mcg/100g	9.1-13	
Vitamin E	mg/100g	7.3-11.5	
Vitamin K	mcg/100g	24.5-28.3	
Vitamin C	mg/100g	83-112	
Vitamin B1	mcg/100g	438-623	
Vitamin B2	mcg/100g	621-795	
Niacin (vitamin B3)	mg/100g	8.0-16	
Vitamin B5	mg/100g	2.5-4.3	
Vitamin B6	mg/100g	0.8-1.6	
Folic acid	mcg/100g	71-92	
Vitamin B12	mcg/100g	4.7-6.1	
Biotin	mcg/100g	17.3-21.1	
Khoáng chất			
Na (Sodium)	mg/100g	273-421	
K (Potassium)	mg/100g	465-632	
Cl (Chloride)	mg/100g	325-385	
Ca (Calcium)	mg/100g	392-435	
P (Phosphorus)	mg/100g	211-435	
Mg (Magnesium)	mg/100g	48.3-65.7	
Fe (Iron)	mg/100g	2.1-3.2	
Zn (Zinc)	mg/100g	7.5-9.7	
Mn (Manganese)	mcg/100g	870-1021	
Cu (Copper)	mcg/100g	171-193	
I (Iodine)	mcg/100g	38-51	
Se (Selenium)	mcg/100g	18.3-27.6	
Cr (Chromium)	mcg/100g	17.2-21.1	
Mo (Molybdenum)	mcg/100g	19-25	

3. Chỉ tiêu an toàn

6.1. Giới hạn về chỉ tiêu theo Quyết định 46/2007/Đ- BYT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	L.Monocytogens	cfu/g	100
2	Salmonella	cfu/25g	0
3	Enterobacteriaceae	cfu/g	10
4	Staphylococci dương tính với Coagulase	cfu/g	100

6.2 Giới hạn về kim loại nặng

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/1000ml	≤ 0.02
2	Thủy ngân	mg/kg	≤ 0.05
3	Cadimi	mg/kg	≤ 1.0
4	Thiếc	mg/kg	≤ 250
5	Asen	mg/kg	≤ 0.5

4. Công dụng, đối tượng sử dụng, Hướng dẫn sử dụng :

- Công dụng:

Giúp ổn định đường huyết, giảm mệt mỏi, tốt cho tim mạch.

- Đối tượng sử dụng:

Dùng để bổ sung dinh dưỡng cho bệnh nhân tiểu đường. Người có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường, rối loạn dung nạp Glucose. Dùng theo hướng dẫn của bác sĩ hoặc chuyên khoa dinh dưỡng.

Lưu ý:

- Không dùng cho trẻ em dưới 2 tuổi.
- Không dùng cho người bệnh Galactosemia.
- Thành phần không chứa đường lactose, không gây tiêu chảy.

- Hướng dẫn sử dụng:

Cho từ từ 45g NUTRICARE CERNA (5 muỗng gạt) vào 180ml nước đun sôi để nguội đến 40°C-50°C, khuấy đều cho đến khi tan hết sẽ được khoảng 210ml dung dịch NUTRICARE CERNA.

Các hình thức sử dụng khác phải theo chỉ định của bác sĩ.

Không truyền qua tĩnh mạch.

5. Chất liệu bảo quản và bao bì đóng gói

- Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng trong lon thiếc, túi tráng thiếc chuyên dùng đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách bao gói:

Khối lượng tịnh: Lon/hộp/túi : 40g $\pm$ 10%, 400g $\pm$ 10%/lon, 900g $\pm$ 10%

6. Thời hạn sử dụng :

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

Lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm

7. Bảo quản:

Nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được đậy kỹ và sử dụng hết trong vòng 3 tuần. Hỗn hợp sau khi pha nên sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh





THỰC PHẨM DÙNG CHO CHẾ ĐỘ ĂN ĐẶC BIỆT

Isomalt, Palatinose giúp
Chỉ số đường huyết thấp

FOS
Tái tạo hệ vi khuẩn có lợi,
giúp tiêu hóa tốt

ANTIOXIDANT(A, C, E, SELEN)
Giảm căng thẳng mệt mỏi

MUFA, PUFA
Phòng ngừa xơ vữa động mạch,
hỗ trợ tim mạch

CÔNG DỤNG: Giúp ổn định đường huyết, giảm mệt mỏi, tốt cho tim mạch
ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG: Dùng để bổ sung dinh dưỡng cho bệnh nhân tiểu đường. Người có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường, rối loạn dung nạp Glucose. Dùng theo hướng dẫn của bác sĩ hoặc chuyên gia dinh dưỡng.

LƯU Ý: • Không dùng cho trẻ em dưới 2 tuổi
• Không dùng cho người bệnh Galactosemia

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Cho từ từ 45g NUTRICARE CERNA (5 muỗng gạt) vào 180ml nước đun sôi để nguội đến 45°C-50°C, khuấy đều cho đến khi tan hết sẽ được khoảng 210ml dung dịch NUTRICARE CERNA

Các hình thức sử dụng khác phải theo chỉ định của bác sĩ.
Không truyền qua tĩnh mạch

BẢO QUẢN: Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được đậy kỹ và sử dụng hết trong vòng 3 tuần. Hôn hợp sau khi pha nên sử dụng hết trong vòng 3 giờ.
Thành phần không chứa đường lactose, không gây tiêu chảy.

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
Công ty TNHH Dinh Dưỡng NUTRICARE
Tỷ số: Số 5, ngõ 9/76 Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1 LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Sân xuất tại: Nhà máy CN Công ty TNHH Dinh Dưỡng NUTRICARE
Địa chỉ Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh.

Số XNCB của Bộ Y tế: 0000/0000/ATTP-XNCB



NutriCare Cerna

Giải pháp
dinh dưỡng
cho bệnh nhân
tiểu đường

Kit 400g

Chỉ số đường huyết thấp

Giảm căng thẳng mệt mỏi

Phòng ngừa xơ vữa động mạch
Hỗ trợ tim mạch

Nguyên liệu chính nhập khẩu từ USA, EU

THÀNH PHẦN: Bạt sữa, Protein đậu nành, Maltodextrin, Dầu thực vật, Palatinose, Isomalt, Maltitol, FOS (fructo-oligosaccharide), Acid amin cần thiết (Arginine, Glutamic acid, Leucine, Isoleucine, Valine), Hương vani tổng hợp, Vitamin (A, D3, E, K, C, B1, B2, B6, B12), Niacin, Folic acid, Pantothenic Acid, Biotin, Khoáng chất (Na, K, Ca, P, Mg, Fe, Mn, Zn, Cu, I, Se, Cr, Mo).

THÔNG TIN DINH DƯỠNG:

Thành phần	Đơn vị	Nutricare Cerna (100g)	Trong 210ml pha chuẩn
Năng lượng	Kcal	419.0	189.8
Bạt	g	20.0	9.0
MUFA	g	15.0	6.8
PUFA	g	1.7	0.8
Bột đường	g	0.5	0.2
FOS	g	42.0	23.0
Polyols	g	4.0	1.8
Vitamin A	mcg	9.0	4.1
Vitamin D3	mcg	462.0	207.8
Vitamin E	mcg	11.0	5.0
Vitamin K	mcg	9.2	4.2
Vitamin C	mcg	25.0	11.7
Vitamin B1	mcg	99.0	44.6
Vitamin B2	mcg	582.0	266.4
Niacin (Vitamin B3)	mcg	715.0	321.8
Pantothenic (Vitamin B5)	mcg	13.2	5.9
Vitamin B6 (Pyridoxin)	mcg	3.9	1.7
Folic acid B9	mcg	1.3	0.6
Vitamin B12 (Cobalamin)	mcg	88.0	39.6
Biotin	mcg	5.5	2.5
Na (Sodium)	mcg	19.8	8.9
K (Potassium)	mg	297.0	133.7
Ca (Calcium)	mg	526.5	239.9
Cl (Chloride)	mg	380.0	162.0
Glycine (Glycine)	mg	414.0	186.3
Phospho (Phosphorus)	mg	234.0	105.3
Mg (Magnesium)	mg	58.5	26.3
Fe (Iron)	mg	2.7	1.2
Zn (Zinc)	mg	9.6	3.9
Mn (Manganese)	mcg	990.0	445.6
Cu (Copper)	mcg	180.0	81.0
Iod (Iodine)	mcg	450.0	202.5
Selenium (Selenium)	mcg	21.6	9.7
Cr (Chromium)	mcg	19.8	8.9
Molybdenum (Molybdenum)	mcg	21.6	9.7

